

Số: 30 /2023/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Thực hiện Thông báo số 317/TB-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 42 – khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 266/TTr-STNMT ngày 17 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 và thay thế Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH TRƯỞNG TRỰC



Mai Hùng Dũng

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Kèm theo Quyết định số: 30 /2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường).

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP); Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) và các quy định pháp luật khác hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định; có giá trị phục vụ hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử được lựa chọn để lưu trữ.

2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP (trừ khoản 7, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường biển và hải đảo).

Điều 4. Yêu cầu thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thu thập đầy đủ, toàn diện và đánh giá chính xác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quản lý, lưu trữ, bảo quản và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm sử dụng lâu dài, an toàn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện thu thập, lưu trữ, bảo quản và cung cấp theo các quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, làm mất thông tin, dữ liệu.

2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin, dữ liệu.

3. Mua bán, chuyển giao, hủy trái phép thông tin, dữ liệu.

4. Sử dụng thông tin, dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của nhà nước.

5. Mang thông tin, dữ liệu ra nước ngoài trái phép.

6. Lợi dụng việc cung cấp thông tin, dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

7. Truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện các công việc không được giao; truy cập bằng tài khoản của người khác; cho người khác sử dụng tài khoản của mình; truy cập, thay đổi, giả mạo, sao chép, tiết lộ, gửi, hủy trái phép thông tin, dữ liệu.

8. Tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại phương tiện quản lý thông tin, dữ liệu.

9. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ; tiết lộ trái pháp luật các thông tin, dữ liệu mà mình biết được trong quá trình thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

10. Các hành vi nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

trường do nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Lập, phê duyệt kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường gửi thông báo tới cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp quản lý về danh mục, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu theo mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân và các hoạt động, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, dự thảo kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh hàng năm, xong trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý dự thảo kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện hàng năm, xong trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

4. Sau khi phê duyệt, giao Sở Tài nguyên và Môi trường gửi kế hoạch đã được phê duyệt về Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm ở tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật

thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm ở cấp xã.

2. Cơ quan được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường các cấp căn cứ kế hoạch được phê duyệt, thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp;

d) Cung cấp, cập nhật vào danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

3. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 9. Hình thức, thời gian thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường gồm:

a) Tiếp nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường nộp trực tiếp tại đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, lưu trữ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử;

b) Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp cho các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin, dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc; trong trường hợp không còn bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố

hoặc công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp một (01) bộ dạng điện tử và một (01) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ tại cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu chuyên ngành, trừ các trường hợp sau:

- Thông tin, dữ liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức: Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày công việc kết thúc; trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản. Trường hợp có quy định khác thực hiện theo quy định của cơ quan Trung ương chuyên ngành.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu giữ lại thông tin, dữ liệu đã đến hạn giao nộp để phục vụ cho công việc thì phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý dữ liệu đồng ý và lập danh mục thông tin, dữ liệu giữ lại gửi cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu. Thời gian giữ lại không vượt quá 02 năm kể từ ngày đến hạn giao nộp.

d) Phiếu nhập kho sản phẩm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán, hoàn thành nhiệm vụ, dự án theo quy định. Lập Phiếu nhập kho theo Mẫu số C30-HD ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

3. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Thu thập, cập nhật dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản.

b) Nội dung dữ liệu đặc tả quy định chi tiết tại Mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

4. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường của mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

6. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện nghiệp vụ về hoạt động lưu trữ, số hóa, chuẩn hóa, chuyển đổi những dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý chưa ở dạng số và phù hợp với quy định hiện hành theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng và lưu trữ theo quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để đảm bảo an toàn, dễ quản lý, truy nhập, tìm kiếm thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

6. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý;

c) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, lưu trữ, quản lý;

d) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp do Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng lưu trữ, quản lý.

Điều 12. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

1. Là tập hợp thống nhất toàn bộ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường và các thông tin, dữ liệu thu thập được từ các Sở, ban, ngành, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và địa bàn giáp ranh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác và sử dụng hiệu quả thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 13. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện

1. Là tập hợp toàn bộ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi quản lý hành chính cấp huyện, được thu thập từ các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào cập nhật, lưu trữ và quản lý theo quy định.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 14. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã

Là tập hợp toàn bộ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên phạm vi quản lý hành chính cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Điều 15. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp

1. Là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý và do Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Bộ phận chuyên môn tại các Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo chức năng, nhiệm vụ quản lý.

Điều 16. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Cơ quan được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu, cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép và lưu trữ thiết bị chuyên dụng: San, Nas, ổ cứng, đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD,...) định kỳ và các trường hợp sao lưu đột xuất khác theo quy trình quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng, bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

c) Định kỳ hàng năm phải tổ chức, kiểm tra đánh giá an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống.

Điều 17. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng cấp tỉnh.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn thông tin cấp tỉnh.

4. Các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo sự phân cấp chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng. Bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin làm nhiệm vụ đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để đảm bảo an toàn thông tin.

Điều 18. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về tài nguyên và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 19. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu hủy thông tin, dữ liệu. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Dương, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và trang/cổng thông tin điện tử khác theo quy định của pháp luật. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ở địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện trình Ủy ban nhân dân huyện công bố theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân xã xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã và công bố theo quy định.

5. Các Sở, ngành, tổ chức, doanh nghiệp công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình tổ chức thu thập, lưu trữ, quản lý.

Điều 21. Thẩm quyền cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Tuyệt mật.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Tối mật.

3. Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin - Lưu trữ, Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Mật và ngoài các thông tin, dữ liệu đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

4. Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật Nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 22. Hình thức, thủ tục, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Hình thức, thủ tục, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và các Quyết định của Ủy ban Nhân dân các cấp về việc công bố thủ tục hành chính và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 23. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

4. Việc kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải đảm bảo thông qua trực liên thông của tỉnh và trực liên thông quốc gia.

Điều 24. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng quy trình, quy định kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử được thực hiện tại Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Chương VI

**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ
THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 25. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thống nhất quản lý nhà nước về thu thập quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội. Tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện đối với các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;

b) Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh; chỉ đạo thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, lưu trữ, khai thác, kết nối, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức thực hiện. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc



Sở thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh:

a) Lập và trình kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành;

b) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trong tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành;

c) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về lập dự toán kinh phí, quy trình nghiệp vụ công tác thu thập, quản lý, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường;

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp để bảo đảm an toàn thông tin;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường trước ngày 15 tháng 12.

3. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

Các Sở, ban, ngành trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, có trách nhiệm:

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

b) Đánh giá, kiểm tra, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra thu thập.



c) Lưu trữ, bảo quản, xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý, cung cấp, chia sẻ, sử dụng.

d) Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

đ) Giao nộp thông tin, dữ liệu đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp.

e) Thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

5. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự toán của các đơn vị, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện; chỉ đạo thực hiện sau khi được phê duyệt. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Lập và trình kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành.

b) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Phân công cán bộ phụ trách công tác lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d) Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu và giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý do đơn vị quản lý theo Mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 12.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

b) Gửi thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý do đơn vị quản lý theo Mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05 tháng 12.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được phân cấp tại quy chế này theo mẫu số 01 tại Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Không được chuyển thông tin, dữ liệu, tài liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

5. Thông báo kịp thời về những sai sót (nếu có) của thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý.

6. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan quản lý dữ liệu theo phân cấp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương

được tiến hành thường xuyên và định kỳ theo kế hoạch. Trong trường hợp cần thiết có thể thanh tra, kiểm tra đột suất theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 28. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích thực hiện tốt Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hại thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trái với quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT; các quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm hư hỏng, thất thoát thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường, cản trở việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 29. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo thẩm quyền.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chịu trách nhiệm

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.



4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm

Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng, thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những thông tin, dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm giao nộp toàn bộ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp. Thời hạn giao nộp hoàn thành chậm nhất là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và Quy chế này.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.